

Bản án số: 62/2024/DS-ST

Ngày: 16-7-2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Hiệp;

Ông Ngô Văn Cơ.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Đào Thị Thu A, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số D Đường A, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Ngô Vĩnh A1, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số D Đường A, ấp C, Thị Trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- **Bị đơn:**

1. Ông Âu Văn Đ, sinh năm 1966 (có mặt);

2. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1972 (vắng mặt);

3. Bà Âu Thị D, sinh năm 1992 (vắng mặt);

4. Bà Âu Ngân K, sinh năm 2002 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Ngô Vĩnh A1, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số D Đường A, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa đại diện của nguyên đơn, ông Ngô Vĩnh A1 trình bày:*

Vào ngày 10 tháng 05 năm 2021, hộ ông Âu Văn Đ gồm có ông Đ, vợ ông Đ là bà Huỳnh Thị T và các con ông Đ là Âu Thị D và Âu Ngân Kiều có vay của bà Thu A số tiền là 100.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 10/5/2021 đến ngày 10/11/2021, thỏa thuận lãi suất 5%/ tháng.

Đến ngày 19/05/2021, hộ ông Âu Văn Đ vay thêm số tiền là 60.000.000 đồng, thỏa thuận lãi 5%/ tháng. Thời hạn trả là ngày 10/11/2021. Tổng số tiền vay là 160.000.000 đồng và hộ ông Đ có ký hợp đồng chuyển nhượng cho bà A phần đất tại thửa đất số 621, tờ bản đồ số 03, diện tích 4.000 m², loại đất trồng lúa, đất tọa lạc ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00216/ R 712426 do UBND huyện M cấp ngày 07/12/2000 cho hộ ông Âu Văn Đ đứng tên để làm tin.

Sau khi vay tiền, hộ ông Đ có đóng lãi cho bà Thu A được 06 lần, tổng là 81.000.000 đồng, cụ thể như sau: Tháng 6/2021 đóng 8.000.000 đồng; Tháng 7/2021 đóng 8.000.000 đồng; Tháng 10/2022 đóng 35.000.000 đồng; Tháng 02/2023 đóng 20.000.000 đồng; Tháng 06/2023 đóng 5.000.000 đồng; Tháng 07/2023 đóng 5.000.000 đồng. Như vậy, tiền lãi chưa trả là: Tổng cộng lãi 35 tháng = 168.000.000 đồng - 06 lần đóng là 81.000.000đ = 87.000.000 đồng. Tiền vốn: 160.000.000đ + lãi cộng dồn 87.000.000 đồng = 247.000.000 đồng. Từ tháng 07 năm 2023 cho đến nay hộ ông Âu Văn Đ không đóng lãi và cũng không trả tiền gốc cho bà Thu A.

Theo đơn khởi kiện, bà A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc hộ ông Đ trả cho bà A tiền vốn 160.000.000 đồng + lãi cộng dồn 87.000.000 đồng = 247.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, đại diện của bà Thu A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn là ông Âu Văn Đ, bà Huỳnh Thị T, bà Âu Thị D, bà Âu Ngân Kiều trả lại cho bà Thu A và chồng bà Thu A là ông Ngô Vĩnh A1: Tiền vốn 160.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật với lãi suất 20%/năm tính từ ngày vay lần thứ hai là ngày 19/5/2021 cho đến khi xét xử vụ án và yêu cầu tính lãi chậm trả tại giai đoạn thi hành án. Đối với số tiền lãi, bà A yêu cầu tính lãi từ ngày vay cho đến ngày xét xử vụ án, sau đó trừ đi số tiền lãi ông Đ đã đóng là 81.000.000 đồng, còn thiếu tiền lãi bao nhiêu thì yêu cầu ông Đ trả thêm. Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại phiên tòa bị đơn ông Âu Văn Đ trình bày:*

Ông thống nhất gia đình ông gồm có ông là Âu Văn Đ, bà Huỳnh Thị T, bà Âu Thị D, bà Âu Ngân K có vay của bà Đào Thị Thu A số tiền gốc là 160.000.000 đồng để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình cụ thể như sau: Vào ngày 10 tháng 05 năm 2021, vay số tiền là 100.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 10/5/2021 đến ngày

10/11/2021, thỏa thuận lãi suất 5%/ tháng. Vào ngày 19/05/2021, vay số tiền là 60.000.000 đồng, thỏa thuận lãi 5%/ tháng. Thời hạn trả là ngày 10/11/2021. Tổng số tiền vay là 160.000.000 đồng.

Khi vay ông có ký chuyển nhượng cho bà A phần đất để làm tin tại thửa đất số 621, tờ bản đồ số 03, diện tích 4.000 m², loại đất trồng lúa. Đất tọa lạc ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00216/ R 712426 do UBND huyện M cấp ngày 07/12/2000 do hộ ông Âu Văn Đ đứng tên.

Sau khi vay tiền, ông có đóng lãi cho bà A được 06 lần, tổng là 81.000.000 đồng, cụ thể như sau: Tháng 6/2021 đóng 8.000.000 đồng; Tháng 7/2021 đóng 8.000.000 đồng; Tháng 10/2022 đóng 35.000.000 đồng; Tháng 02/2023 đóng 20.000.000 đồng; Tháng 06/2023 đóng 5.000.000 đồng; Tháng 07/2023 đóng 5.000.000 đồng.

Nay ông và gia đình đồng ý trả cho bà A và chồng bà A là ông Ngô Vĩnh A1 số tiền gốc là 160.000.000 đồng và đồng ý trả lãi theo quy định pháp luật với lãi suất 20%/ năm từ ngày vay nhưng hoàn cảnh gia đình ông hiện khó khăn chưa có khả năng trả, ông xin trả mỗi năm 30.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi, ông đồng ý tính lãi từ ngày vay cho đến ngày xét xử vụ án, sau đó trừ đi số tiền lãi ông đã đóng cho bà A là 81.000.000 đồng, còn thiếu tiền lãi bao nhiêu thì ông đồng ý trả thêm. Đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 19/5/2021 ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn bà Huỳnh Thị T, bà Âu Thị D, bà Âu Ngân K:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa vắng mặt, không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Tòa án.

- *Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Ngô Vĩnh A1:* Tại phiên tòa ông A1 thống nhất theo yêu cầu của bà Đào Thị Thu A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn bà Huỳnh Thị T, bà Âu Thị D, bà Âu Ngân K: Bị đơn bà Huỳnh Thị T, bà Âu Thị D, bà Âu Ngân K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Huỳnh Thị T, bà Âu Thị D, bà Âu Ngân K.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị Thu A: Bà Đào Thị Thu A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn có trách nhiệm trả cho bà A và chồng bà A là ông Ngô Vĩnh A1 số tiền nợ vay gốc là 160.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật 20%/năm tính từ ngày vay 19/05/2021 cho đến khi xét xử vụ án. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Đ cũng thống nhất gia đình ông gồm có ông, vợ ông là bà T và các con là Âu Thị D, Âu N có vay của bà Thu A số tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng. Bị đơn bà Huỳnh Thị T, bà Âu Thị D, bà Âu Ngân K đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến phản

đổi và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì lời trình bày của bà Thu A là có căn cứ và bà Thu A không phải chứng minh.

[3] Các bị đơn vay tiền của nguyên đơn đợt thứ nhất vào ngày 10/5/2021 và đợt hai vào ngày 19/05/2021, tổng số tiền vay là 160.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn trả là ngày 10/11/2021. Tuy nhiên từ khi vay đến ngày xét xử sơ thẩm đã quá thời hạn thanh toán nhưng bị đơn vẫn chưa trả tiền cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận ban đầu nên căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A, buộc các bị đơn có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà A, ông A1 số tiền nợ gốc 160.000.000 đồng.

[4] Về tiền lãi: Thời điểm vay nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất hai bên có thỏa thuận lãi là 5%/tháng. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu các bị đơn trả tiền lãi với lãi suất 20%/năm từ ngày vay lần hai là ngày 19/5/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm đối với số tiền vay gốc là 160.000.000 đồng. Bị đơn ông Đ cũng đồng ý trả lãi với lãi suất 20%/năm là phù hợp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Các đương sự thống nhất tính lãi từ ngày vay cho đến ngày xét xử vụ án, sau đó trừ đi số tiền lãi ông Đ đã đóng là 81.000.000 đồng. Tiền lãi được tính từ ngày vay là ngày 19/5/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 16/7/2024, cụ thể như sau: 160.000.000 đồng x 20%/năm x 03 năm 01 tháng 27 ngày = 101.066.600 đồng nhưng được trừ vào số tiền lãi bị đơn đã đóng là 81.000.000 đồng thì bị đơn còn phải trả tiền lãi là 20.066.600 đồng. Như vậy, tổng tiền gốc và lãi các bị đơn còn phải trả là 180.066.600 đồng.

[5] Đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng ngày 19/5/2021 giữa bà Đào Thị Thu A và ông Âu Văn Đ, bà Huỳnh Thị T, bà Âu Thị D, bà Âu Ngân Kiều đối với phần đất tại thửa đất số 621, tờ bản đồ số 03, diện tích 4.000 m², loại đất trồng lúa, đất tọa lạc ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét ý kiến của ông Đ xin trả dần số nợ mỗi năm 30.000.000 đồng nhưng đại diện nguyên đơn không đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy do hộ ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận ban đầu nên ý kiến xin trả dần của ông Đ không có cơ sở chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị đơn ông Âu Văn Đ, bà Huỳnh Thị T, bà Âu Thị D, bà Âu Ngân K có nghĩa vụ trả tiền nên phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.003.300 đồng (tương ứng với 5% phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn bà A không phải chịu án phí, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị Thu A đối với các bị đơn ông Âu Văn Đ, bà Huỳnh Thị T, bà Âu Thị D, bà Âu Ngân K.

Buộc các bị đơn ông Âu Văn Đ, bà Huỳnh Thị T, bà Âu Thị D, bà Âu Ngân K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đào Thị Thu A và ông Ngô Vĩnh A1 số tiền tổng là 180.066.600 đồng (Một trăm tám mươi triệu, không trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng và số tiền nợ lãi là 20.066.600 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Các bị đơn ông Âu Văn Đ, bà Huỳnh Thị T, bà Âu Thị D, bà Âu Ngân K phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.003.300 đồng (Chín triệu, không trăm linh ba nghìn, ba trăm đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Nguyên đơn bà Đào Thị Thu A không phải chịu án phí, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí là 6.175.000 đồng (Sáu triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004665 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

4. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mến